

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/DS-PT

Ngày: 28-8-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 230/TB-TA ngày 10 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 256/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Mộng T, sinh năm: 1961; cư trú tại số H, đường N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Lệ T1, sinh năm: 1961; cư trú tại số I, đường N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024).

- *Bị đơn:* Ông Mai Trung C, sinh năm: 1971; cư trú tại số A, đường N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T2, sinh năm: 1962; cư trú tại số G, đường N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024)

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Mai Trung C - Bị đơn.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 của nguyên đơn Tô Thị Mộng T cũng như lời trình bày của bà Phan Thị Lệ T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Bà Tô Thị Mộng T và ông Mai Trung C có mối quan hệ thân thiết với nhau, từ năm 2019 đến 12/01/2023 bà T cho ông C vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 3.700.000.000đ (không tính lãi suất), không quy định thời gian vay, khi nào cần lấy lại tiền thì bà T sẽ thông báo cho ông C. Ngày 12/01/2023 ông C có viết giấy hẹn, ông C hứa sẽ trả 1/2 số tiền trước tết 2023 và số tiền còn lại ông C trả sau tết. Nhưng đến nay ông C chưa trả. Nay bà T yêu cầu ông C trả cho bà T số tiền nợ gốc là 3.700.000.000đ và nợ lãi 370.000.000đ (3.700.000.000đ x 10%/năm, từ ngày 12/01/2023 đến ngày 12/12/2023) và lãi đến ngày xét xử.

- Bị đơn ông Mai Trung C trình bày: Ông và bà T có quen biết với nhau, nhà mẹ bà T gần nhà ông nên ông có vay tiền của bà T vào tháng 6/2018 vay của bà T 35.000.000đ (có viết vào sổ bà T), không thỏa thuận thời gian vay và lãi suất. Số tiền này ông đã trả lãi cho bà T nhưng không nhớ bao nhiêu. Năm 2020 vay thêm 180.000.000đ (có viết vào sổ của bà T), không thỏa thuận thời gian vay và lãi suất. Bà T chỉ đưa cho ông 20.000.000đ còn lại cần trừ vào tiền nợ lãi đối với khoản vay 35.000.000đ. Đầu năm 2022 ông có nói với bà T là ông không có tiền để trả nên bà T có yêu cầu ông viết cho bà 03 giấy vay nợ cụ thể: Ngày 17/4/2021 vay 300.000.000đ; Ngày 20/5/2021 vay 200.000.000đ; Ngày 20/02/2022 vay 3.200.000.000đ. Đối với 3 giấy vay này do bà T giữ. Ngày 12/01/2023 do bà T yêu cầu ông gộp 3 giấy nợ của năm 2021 và năm 2022 lại thành giấy hẹn nợ với nội dung: ông nợ bà T 3.700.000.000đ. Trên thực tế ông có vay của bà T 02 lần với số tiền là 35.000.000đ và 180.000.000đ. Tổng cộng ông chỉ nợ bà T 215.000.000đ.

Nay bà T yêu cầu ông trả cho bà T số tiền 3.700.000.000đ và nợ lãi ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả 215.000.000đ và tiền lãi trên số tiền nợ gốc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Mộng T đối với bị đơn ông Mai Trung C.

Buộc ông Mai Trung C có trách nhiệm trả cho bà Tô Thị Mộng T số tiền 4.129.940.000 đồng (Bốn tỷ một trăm hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 3.700.000.000 đồng, nợ lãi 429.940.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/4/2024 ông Mai Trung C có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và cho rằng chỉ vay bà T số tiền 215.000.000đ nên chỉ trả số tiền này và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng.

Tại Quyết định kháng nghị số 10/QĐ-KNPT-VKS-DS ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa rút một phần kháng nghị đối với phần đối chất giữa các đương sự để làm rõ số tiền vay và thu thập chứng cứ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, giữ nguyên kháng nghị về tính lãi suất tiền vay. Bị đơn ông Mai Trung C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai Trung C, sửa bản án sơ thẩm về phần tính tiền lãi suất. Buộc ông C phải trả cho bà T nợ gốc 3.640.000.000đ và lãi 0.83%/tháng từ ngày 12/10/2023 đến ngày 29/3/2024.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Mai Trung C, kháng nghị của Viện kiểm sát; người kháng cáo, kháng nghị và thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn ông Mai Trung C và kháng nghị của Viện kiểm sát:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn ông C thì thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện bà T có cho ông C vay nhiều lần, ông C đã viết giấy nhận nợ với bà T cụ thể: Ngày 17/4/2021 vay 300.000.000đ; ngày 20/5/2021 vay 200.000.000đ; ngày 20/02/2022 vay 3.200.000.000đ. Đến ngày 12/01/2023 bà T yêu cầu ông C viết giấy hẹn nợ với nội dung “*Tôi là Mai Trung C có nợ chị T 3.700.000.000đ, tôi hẹn trả một nửa trước tết 2023 còn lại ra tết tôi sẽ thỏa thuận với chị T sau*”. Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông C đều thừa nhận ông là người viết và ký tất cả các giấy vay nợ. Tuy nhiên, ông cho rằng ông không vay của bà T số tiền 3.700.000.000đ mà ông chỉ vay của bà T 215.000.000đ. Ông viết giấy nhận nợ 3.700.000.000đ vì đây là tiền lãi mà ông chưa trả nên bà T yêu cầu ông viết. Ông C kháng cáo cho rằng chỉ nợ bà T số tiền 215.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông C không chứng minh được bà T cho ông vay tiền với lãi suất cao là bao nhiêu, thời gian tính lãi như thế nào để lên số tiền 3.700.000.000đ theo giấy hẹn nợ ông đã viết ngày 12/01/2023. Công an thành phố Đ cũng đã trả lời ông C tại Thông báo số 135/TB-CATP-CSKT ngày 22/3/2023.

Như vậy, trên thực tế ông C có vay của bà T, tất cả các lần vay ông C đều là người viết giấy, không bị lừa dối, ép buộc. Tại giấy nhận nợ với số tiền 3.700.000.000đ không thể hiện là nhận nợ gốc và tiền lãi, cũng như 3 lần viết giấy vay trước thì tổng số tiền vay là 3.700.000.000đ, ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay bà T thừa nhận ông C đã trả cho bà được số tiền 60.000.000đ và bà đồng ý trừ vào nợ gốc. Như vậy, số tiền nợ gốc ông C còn nợ bà T là  $3.700.000.000đ - 60.000.000đ = 3.640.000.000đ$ .

Tại giai đoạn phúc thẩm ngày 20/6/2024 bà T cung cấp Thông báo số 83/CATP-CSKT ngày 05/02/2023 của Công an thành phố Đ về việc trả lời đơn tố cáo của bà Tô Thị Mộng T. Theo đó, nội dung đơn của bà T liên quan đến tranh chấp về giao dịch dân sự trong quá trình vay mượn tiền. Không thuộc thẩm quyền của Công an thành phố Đ và hướng dẫn bà T gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Đồng thời, theo đơn trình bày và đề nghị giải quyết đề ngày 01/3/2023 của ông Mai Trung C gửi Công an thành phố Đà Lạt thì tại Thông báo số 135/TB-CATP-CSKT ngày 22-3-2023 Công an thành phố Đ đã trả lời ông C là “*..ông không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc bà T cho ông vay tiền với lãi suất cao...Do đó, không có cơ sở để giải quyết các nội dung như trong đơn của ông*”.

Ông T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng liên quan đến bản phô tô giấy nợ 300.000.000đ của bà Tô Thị Mộng T3 (em ruột bà T) do

nguyên đơn cung cấp đề nghị đưa bà T3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 27/6/2024 bà T3 trình bày: Ông C cần vay của bà T (chị gái bà) số tiền 300.000.000đ. Tuy nhiên, bà T không có tiền nên bà T vay của bà T3 để đưa cho ông C và ông C chịu trách nhiệm trả 300.000.000đ cho bà T. Bà T3 không tranh chấp gì trong vụ án này. Do đó, bà T3 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như ông T2 yêu cầu.

[2.1] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị về phần đối chất giữa các đương sự để làm rõ số tiền vay và thu thập chứng cứ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về lãi suất là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án bà T xác định khi cho ông C vay tiền không tính lãi suất, không thỏa thuận thời hạn cho vay, khi nào cần thì bà T sẽ báo để ông C trả tiền. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp là giấy hẹn ghi ngày 12/01/2023 cũng chỉ thể hiện “...tôi hẹn trả một nửa trước tết, còn lại ra tết tôi sẽ thỏa thuận với chị T sau”. Như vậy, theo sự thừa nhận và chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì đây là khoản vay không có lãi, không thỏa thuận thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự và phía bị đơn cũng không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, không có căn cứ để xác định thời hạn tính lãi từ ngày vay ngày 12/01/2023. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/3/2024 là 5 tháng 17 ngày. Cụ thể,  $0,83\% \times 3.640.000.000đ \times 5 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 168.180.133đ$  là đúng quy định. Tổng cộng tiền gốc và lãi ông C phải trả cho bà T số tiền là  $3.640.000.000đ + 168.180.133đ = 3.808.180.133đ$ .

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai Trung C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 3.808.180.133đ phải trả cho bà T là  $\{72.000.000đ + (1.808.180.133 \times 2\%)\} = 108.163.602đ$ . Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đối với yêu cầu thu thập chứng cứ và đối chất.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai Trung C, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Mộng T đối với bị đơn ông Mai Trung C về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

2.2. Buộc ông Mai Trung C có trách nhiệm trả cho bà Tô Thị Mộng T số tiền 3.808.180.133đ (*Ba tỷ tám trăm lẻ tám triệu một trăm tám mươi ngàn một trăm ba mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 3.640.000.000đ, nợ lãi 168.180.133đ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Về án phí:

Buộc ông Mai Trung C phải chịu 108.163.602đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000685 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ông C còn phải nộp 107.863.602đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố Đà Lạt (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt (01)
- Dương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**Vũ Thị Nguyệt**